

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 36CLC-CĐ N ấ h c : 2012-2013 ấ VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)
H ấ T : H c ph n : 122067201506 - C ấ thuy t 2 H c km : HK02

STT	M ấ S	L P SV	H ấ V ấ T ấ N	NG ấ Y SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấ I M THI	QUY TS : 70.00%	ấ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
1	3671040084	36CLC-CĐ	Nguy n ấ c An	05/05/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
2	3671040641	36CLC-CĐ	ấ ấ Gia B o	26/07/1994				4.0			4.0	1.2	0.0	0.0	1.2	
3	3671040560	36CLC-CĐ	Tr ng Thanh B ấ nh	18/06/1994				7.0			7.0	2.1	1.0	0.7	2.8	
4	3671041110	36CLC-CĐ	Nguy n H u C nh	07/10/1994				3.0			3.0	0.9	0.0	0.0	0.9	
5	3671040058	36CLC-CĐ	ấ ấ Nguy ấ n Cát	28/08/1994				2.0			2.0	0.6	0.0	0.0	0.6	
6	3671041188	36CLC-CĐ	Nguy n V ấ nh C ng	22/10/1994				1.0			1.0	0.3	0.0	0.0	0.3	
7	3671041895	36CLC-CĐ	Tr n Kh i C ng	21/05/1993				1.0			1.0	0.3	0.0	0.0	0.3	
8	3671040372	36CLC-CĐ	Nguy n T ấ ng Ch ấ nh	27/12/1994				3.0			3.0	0.9	0.0	0.0	0.9	
9	3671040068	36CLC-CĐ	Tr n V ấ nh Du n	06/02/1994				2.0			2.0	0.6	0.0	0.0	0.6	
10	3671040508	36CLC-CĐ	Nguy n Tu n Duy	14/02/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
11	3671040702	36CLC-CĐ	Nguy n Ti n D ấ ấ	16/08/1993				8.0			8.0	2.4	0.5	0.4	2.8	
12	3671041133	36CLC-CĐ	Tr n Anh D ấ ấ	03/10/1994				8.0			8.0	2.4	2.0	1.4	3.8	
13	3671040843	36CLC-CĐ	Tr n Thanh Giang	02/05/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
14	3671040237	36CLC-CĐ	Lê Thanh H i	12/01/1994				5.0			5.0	1.5	9.0	6.3	7.8	
15	3671040857	36CLC-CĐ	V ấ ấ n H i	14/08/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
16	3571010143	36CLC-CĐ	Nguy n Thanh Hoàng	05/03/1993				9.0			9.0	2.7	5.0	3.5	6.2	
17	3671040736	36CLC-CĐ	T V ấ nh H ấ a	01/10/1993				4.0			4.0	1.2	1.0	0.7	1.9	
18	3671040082	36CLC-CĐ	Nguy n Cao Huy	27/05/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
19	3671041641	36CLC-CĐ	Ph m S n H ấ ng	02/04/1994				5.0			5.0	1.5	5.5	3.9	5.4	

B NG ấI M H C PH N - MĐN TH ầ NH PH N

Kh ầ a h c : L p h c : 36CLC-CĐ N ầ h c : 2012-2013 ấ VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)
H ầ T : H c ph n : 122067201506 - C ầ thuy t 2 H c km : HK02

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N		NGÀY SINH	ấI M TH ầ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấI M THI	QUY TS : 70.00%	ấI M TK	GHI CHÚ
						L1	L2	L3	L4	L5	L6						
20	3671040043	36CLC-CĐ	Nguy n Anh	Ki t	14/10/1994				9.0			9.0	2.7	0.0	0.0	2.7	
21	3671040997	36CLC-CĐ	Bùi Duy	Khánh	23/07/1994				1.0			1.0	0.3	0.0	0.0	0.3	CT
22	3671041838	36CLC-CĐ	Nguy n Duy	Khánh	13/10/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
23	3671040081	36CLC-CĐ	Nguy n Th Minh	Khôi	27/10/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
24	3671041997	36CLC-CĐ	Ph m M c Quang	Khuê	13/08/1994				2.0			2.0	0.6	0.0	0.0	0.6	
25	3671041948	36CLC-CĐ	Nguy n ầ c	Linh	18/03/1994				7.0			7.0	2.1	0.0	0.0	2.1	
26	3671040193	36CLC-CĐ	Ph m	L i	19/03/1994				2.0			2.0	0.6	0.0	0.0	0.6	
27	3671040535	36CLC-CĐ	Nguy n Nh t	Minh	09/04/1994				7.0			7.0	2.1	0.0	0.0	2.1	
28	3671041956	36CLC-CĐ	Nguy n H u	Nam	08/11/1994				3.0			3.0	0.9	6.0	4.2	5.1	
29	3671040078	36CLC-CĐ	Tr n ầ ựnh	Nam	29/12/1994				3.0			3.0	0.9	1.0	0.7	1.6	
30	3671040690	36CLC-CĐ	Tr n Hi u	Nhàn	29/04/1994				9.0			9.0	2.7	7.0	4.9	7.6	
31	3671041850	36CLC-CĐ	B ầi L ầ Tu n	Phong	07/01/1994				7.0			7.0	2.1	1.0	0.7	2.8	
32	3671041572	36CLC-CĐ	Nguy n Ho ầ ng	Phúc	20/02/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
33	3671040386	36CLC-CĐ	Nguy n Minh	Quang	14/07/1994				7.0			7.0	2.1	3.0	2.1	4.2	
34	3671040350	36CLC-CĐ	Ph ầ ng V ầ nh	Sang	25/04/1994				5.0			5.0	1.5	5.0	3.5	5.0	
35	3671040284	36CLC-CĐ	Nguy n Ti n	S	09/01/1994				9.0			9.0	2.7	1.0	0.7	3.4	
36	3671040197	36CLC-CĐ	Nguy n T n	Tình	19/03/1994				7.0			7.0	2.1	6.5	4.6	6.7	
37	3671040457	36CLC-CĐ	H C ầ ng	Tu n	13/10/1994				5.0			5.0	1.5	0.0	0.0	1.5	
38	3571011768	36CLC-CĐ	Nguy n H u Anh	Tu n	28/12/1993				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP

B NG ấI M H C PH N - MĐN TH ầ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 36CLC-CĐ N ấ h c : 2012-2013 ấ VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)
H ấ T : H c ph n : 122067201506 - C ấ thuy t 2 H c km : HK02

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NGÀY SINH	ấI M TH ầ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấI M THI	QUY TS : 70.00%	ấI M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
39	3671040226	36CLC-CĐ	Nguy n Thanh T ầ	02/04/1994				3.0			3.0	0.9	0.0	0.0	0.9	
40	3671041906	36CLC-CĐ	Nguy n C ầ ng Thanh	02/12/1993				9.0			9.0	2.7	7.5	5.3	8.0	
41	3671041602	36CLC-CĐ	Tr n Ng c Thành	23/08/1994				1.0			1.0	0.3	0.0	0.0	0.3	
42	3671040092	36CLC-CĐ	Nguy n Quang Th ái	11/12/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
43	3671041940		L ² Ti n Th ng	20/06/1992							0.0	0.0	0	0.0		N HPTRUNG TEN
44	3671041945	36CLC-CĐ	L ² Ti n Th ng	20/06/1992				4.0			4.0	1.2	1.0	0.7	1.9	
45	3671041131	36CLC-CĐ	Nguy n Minh Trai	00/01/1900				6.0			6.0	1.8	1.0	0.7	2.5	
46	3671040959	36CLC-CĐ	Lê Công Tri u	14/05/1994				9.0			9.0	2.7	0.0	0.0	2.7	
47	3671040936	36CLC-CĐ	Trang Thanh Trung	25/08/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
48	3671010091	36CLC-CĐ	Tr n Qu c Vĩ t	14/02/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP

T ng s : 48 h c sinh sinh vĩ ² n
Tp.HCM, ngày / /
Tr ng Khoa Gi ầ Vĩ ² n B M ầ n Gi ầ V Khoa